

Phụ lục IV: KỊCH BẢN HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ NGOÀI NGÂN SÁCH
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /7/2026 của UBND tỉnh)

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Tên dự án/công trình	Tổng vốn đầu tư dự án	Kịch bản năm 2026 (tỷ đồng)		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		Kịch bản 6 tháng cuối năm 2026 (tỷ đồng)		Dự kiến năm 2027	Ghi chú
			Năm 2026	6 tháng đầu năm	Kết quả	Số với kịch bản (%)	Quý III	Quý IV		
	TỔNG CỘNG	253.296	29.386	7.392	3.062	41%	10.826	15.498	78.458	
I	Lĩnh vực Công nghiệp	180.797	17.092	2.972	662	22%	6.378	10.052	62.106	
I.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	836	285	265	250	94%	25	10	80	
1	Trung tâm Dệt - may veston tại CCN Ea Dar	360	35	15,00	-	0%	25	10	80	
2	Nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk	476	250	250	250	100%	-	-		
I.2	Dự án khởi công mới	179.961	16.807	2.707	412	15%	6.353	10.042	62.026	
1	Nhà máy thủy điện Ea Tih	307	200	50,00		0%	120	80	107	
2	Nhà máy điện mặt trời nổi KN Srêpók 3	7.661	5.350	760,00		0%	2.670	2.680	2.282	
3	Nhà máy điện gió Ea H'leo 3 và Nhà máy điện gió Ea H'leo 4	650	62	20,00		0%	46	16	250	
4	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 1, nhà máy điện gió Buôn Hồ 2 và nhà máy điện gió Cư M'gar 2 tại các huyện: Krông Búk, Cư M'gar và thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	1.560	194	55,00		0%	85	109	500	
5	Dự án đầu tư Nhà máy cà phê Trung Nguyên Legend tại Cụm Công nghiệp Tân An 2	989	200	20,00		0%	70	130	250	
6	Hạ tầng 15 cụm công nghiệp (629 ha)	1.500	50	-			0	50	300	
7	Tổng số vốn của doanh nghiệp đăng ký hoạt động trong các cụm công nghiệp (theo mức bình quân của các DN đang thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Phú: 9,25 tỷ đồng/ha)	3.648	670	320,00		0%	350	320	700	
8	Hạ tầng khu công nghiệp Phú Xuân	2.477	310	110	30	27%	140	140	800	
9	Dự án nhà máy xử lý rác thải tại BMT	360	10	-	-	-	-	10	160	
10	Nhà máy điện gió Ea Sin 1	4.000	10	-	-	-	-	10	2.000	
11	Nhà máy điện gió Krông Búk 3	4.000	10	-	-	-	-	10	2.000	
12	Nhà máy điện gió Thuận Phong Đắk Lắk	3.843	400	-	-	-	100	300	1.500	
13	Nhà máy điện gió Tân Lập - Ea Hồ	2.000	10	-	-	-	-	10	990	
14	Nhà máy điện gió Cư Pong 1,2	3.200	10	-	-	-	-	10	1.500	
15	Nhà máy điện gió Krông Năng 1.1; 1.2	2.578	10	-	-	-	-	10	1.600	
16	Nhà máy điện gió NT1, NT2	2.825	10	-	-	-	-	10	1.400	
17	Nhà máy điện gió Ea Sin	3.080	10	-	-	-	-	10	1.500	
18	Nhà máy điện gió Krông Ana 1	6.400	10	-	-	-	-	10	3.000	
19	Nhà máy điện gió Buôn Hồ 3 - giai đoạn 2	4.000	10	-	-	-	-	10	2.000	
20	Nhà máy điện gió E&M Đắk Lắk	3.800	10	-	-	-	-	10	1.900	
21	Nhà máy điện gió Thanh Phong giai đoạn 1	4.000	10	-	-	-	-	10	1.900	
22	Nhà máy điện gió Ea Sin 2	10.000	10	-	-	-	-	10	5.000	
23	Nhà máy điện gió Thuận Phong giai đoạn 1	4.000	10	-	-	-	-	10	2.000	
24	Nhà máy điện gió HPL Krông Năng	2.000	10	-	-	-	-	10	900	
25	Nhà máy điện gió Chư Krô giai đoạn 1	2.000	10	-	-	-	-	10	900	
26	Nhà máy điện gió Dliê Ya - Krông Năng giai đoạn 1	3.200	10	-	-	-	-	10	1.500	
27	Nhà máy điện mặt trời Ea Súp 1	560	10	-	-	-	-	10	250	
28	Nhà máy điện mặt trời Ia Lốp 1	560	10	-	-	-	-	10	300	
29	Cụm Nhà máy điện mặt trời tiểu khu 293, xã Cư M'lan	7.000	10	-	-	-	-	10	1.000	
30	Trạm biến áp 500kV Krông Búk và đấu nối	2.150	484	77	-	0%	229	255	800	

STT	Tên dự án/công trình	Tổng vốn đầu tư dự án	Kịch bản năm 2026 (tỷ đồng)		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		Kịch bản 6 tháng cuối năm 2026 (tỷ đồng)		Dự kiến năm 2027	Ghi chú
			Năm 2026	6 tháng đầu năm	Kết quả	So với kịch bản (%)	Quý III	Quý IV		
31	Đường dây 220kV Krông Búk – Nha Trang mạch 2	682	94	24	-	0%	57	37	280	
32	Trạm biến áp 110kV Hòa Bình 2 – Buôn Đôn	83	62	9	-	0%	35	27	21	
33	Trạm biến áp 110kV Hòa Bình 3	101	85	16	-	0%	38	47	16	
34	Trạm biến áp 110kV Lắc và đầu nối	232	152	25	-	0%	73	79	76	
35	Trạm biến áp 110kV M'Đrăk và đầu nối	233	141	18	-	0%	55	86	92	
36	Nhà máy điện mặt trời Ia Rvê 1	6308	398	4	-	0%	159	239	3.000	
37	Nhà máy điện mặt trời Ia Rvê 2	6314	398	4	-	0%	148	250	3.000	
38	Nhà máy điện mặt trời Ia Rvê 3	6317	398	4	-	0%	156	242	3.000	
39	Nhà máy điện mặt trời Ia Rvê 4	2117	133	1	-	0%	53	80	1.000	
40	Nhà máy ĐMT trên hồ thủy điện Srêpôk 3	1119	110	-	-	-	10	100	500	
41	Nhà máy ĐMT trên hồ thủy điện Buôn Kuốp	1177	110	-	-	-	10	100	500	
42	Nhà máy điện mặt trời trên hồ Krông Búk Hạ 1	1094	110	-	-	-	10	100	200	
43	Nhà máy điện mặt trời trên hồ Krông Búk Hạ 2	3201	310	-	-	-	10	300	500	
44	Nhà máy điện mặt trời trên hồ thủy lợi Ea H'leo	3164	310	-	-	-	10	300	600	
45	Nhà máy điện mặt trời trên hồ Ea Súp Thượng giai đoạn 1	9149	510	-	-	-	10	500	2.000	
46	Thủy điện Srêpôk 3 mở rộng	2717	260	-	-	-	10	250	500	
47	Thủy điện Buôn Kuốp mở rộng	3305	310	-	-	-	10	300	600	
48	Đầu tư xây dựng Bến cảng Bãi Gốc	16.300	1.980	520	30	6%	700	1250	3.000	
49	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Tâm - giai đoạn 1	4.188	1.760	510	260	51%	600	900	600	
50	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Công nghệ cao Phú Yên	2.369	102	30	12	40%	30	60	500	
51	Nhà máy điện sinh khối KCP Phú Yên và nâng công suất Nhà máy đường Sơn Hòa lên 15.000 tấn mía/ngày (giai đoạn 2)	1.549	360	60	20	33%	160	180	500	
52	Dự án Nhà máy sản xuất phân bón Agrilong - Green World	260	30	10	10	100%	10	10	120	
53	Dự án Nhà máy chế biến thực phẩm đóng hộp Bá Hải	172	30	10	10	100%	10	10	70	
54	Nhà máy thu hồi hợp kim từ sản phẩm trung gian của nhà máy khoáng sản Kenec và xử lý tái chế bã thải thành vật liệu cách nhiệt, thân thiện với môi trường	200	40	10	10	100%	10	20	80	
55	Nhà máy sản xuất đồ gỗ Hồng Phát	200	40	10	5	50%	15	20	80	
56	Nhà máy chế biến gỗ Hào Hưng Sông Cầu	200	20	-			10	10	80	
57	Dự án Nhà máy sản xuất sợi mi rơ-móc & phụ tùng - Kotinochi Phú Yên	357	80	10	10	100%	30	40	150	
58	Nhà máy sản xuất viên nén gỗ và đồ gỗ nội thất, ngoại thất	450	80	10	10	100%	30	40	170	
59	Cụm Nhà máy thực phẩm sạch Phú Yên	576	80	10	5	50%	30	45	250	
60	Nhà máy điện mặt trời Tây Hòa 3	1.332,00	55	-			15	40	200	
61	Trạm biến áp 220kV Nam Phú Yên và đường dây 220kV Nam Phú Yên - rẽ Nha Trang - Tuy Hòa	815	6	-			0	6	100	
62	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Xuân Đông	3.630	36				11	25	300	
63	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Hòa Xuân Tây	3.807	38				11	27	300	
64	Cụm liên hợp Nhà máy Sản xuất muối tinh và sản phẩm từ nước biển	1.171	38				11	27	200	
65	Nhà máy sản xuất than hoạt tính sinh học từ tre, gỗ	220	7				2	5	100	

STT	Tên dự án/công trình	Tổng vốn đầu tư dự án	Kịch bản năm 2026 (tỷ đồng)		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		Kịch bản 6 tháng cuối năm 2026 (tỷ đồng)		Dự kiến năm 2027	Ghi chú
			Năm 2026	6 tháng đầu năm	Kết quả	Số với kịch bản (%)	Quý III	Quý IV		
66	Đường dây 110kV cấp nguồn từ TBA 220kV Nam Phú Yên đến TBA 110kV Hòa Phát Phú Yên	152	4				1	3	52	
67	Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu (mở rộng)	350	10				3	7		
II	Lĩnh vực Du lịch, dịch vụ	30.976	3.861	1.890	875	46%	1.482	1.504	6.860	
II.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	15.100	2.320	1.230	640	52%	830	850	2.760	
1	Khu du lịch sinh thái Bãi Nồm	3.154	700	300	100	33%	300	300	800	
2	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bãi Bằng	204	60	20	10	50%	20	30	60	
3	Fleur De Lys Resort Phú Yên	250	80	20	10	50%	30	40	140	
4	Khu nghỉ dưỡng cao cấp và du lịch Việt Beach (giai đoạn 2)	1.711	260	60	40	67%	110	110	300	
5	Tổ hợp khách sạn, Resort Việt Mỹ A&V (giai đoạn 2)	2.964	300	150	100	67%	100	100	400	
6	Khu du lịch biển Hòa Thanh Resort	1.036	340	140	80	57%	130	130	360	
7	Khu du lịch biển Sao Mai	1.650	40	20		0%	20	20	400	
8	Làng Du lịch quốc tế Bắc Âu	2.681	40	20		0%	20	20	300	
9	Tổ hợp kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch Lynn Times Phú Yên	1.450	500	500	300	60%	100	100	0	
II.2	Dự án khởi công mới	15.876	1.541	660	235	36%	652	654	4.100	
1	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Cù lao Mái Nhà	4.998	320	120	40	33%	140	140	1.000	
2	Vịnh Hòa Emerald Bay Resort	1.854	205	120	5	4%	100	100	400	
3	Khu du lịch sinh thái Núi Thơm	2.206	40	20	10	50%	10	20	500	
4	Khu du lịch Bãi Xếp	1.100	200	120	50	42%	100	50	350	
5	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng nước nóng Phú Sen, huyện Phú Hòa	618	120	40	20	50%	50	50	200	
6	Khu du lịch nghỉ dưỡng Condotel Resort ven biển Tuy Hòa	2.105	400	200	100	50%	150	150	600	
7	Khu thương mại dịch vụ tại lô đất ký hiệu B1, đường Độc Lập, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa	1.800	240	40	10	25%	100	130	500	
8	Sân golf Phú Hòa	1.015	10	-			0	10	500	
9	Mở rộng sân đỗ máy bay - Cảng Hàng không Tuy Hòa	180	6				2	4	50	
III	Lĩnh vực Xây dựng, Đô thị, hạ tầng kỹ thuật	32.197	5.735	1.550	700	45%	2.283	2.752	6.502	
III.1	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	7.429	2.605	1.040	510	49%	1.043	1.052	2.080	
1	Khu phức hợp nhà ở thông minh kết hợp trung tâm thương mại	1.097	200	40	20	50%	90	90	400	
2	Tổ hợp Trung tâm thương mại - Khách sạn - Nhà ở tại số 02 Mai Hắc Đế, Tp Buôn Ma Thuột	2.405	600	300	300	100%	150	150	600	
3	Xây dựng công trình hỗn hợp tại số 77-79 Nguyễn Du, phường 7, thành phố Tuy Hòa (giai đoạn 2)	1.320	90	20	10	50%	40	40	600	
4	Khu nhà ở tại lô đất ký hiệu số 1 phía đông đường Hùng Vương, thành phố Tuy Hòa	1.123	300	100	50	50%	150	100	420	
5	Khu nhà ở tại lô đất ký hiệu số 3 phía đông đường Hùng Vương, thành phố Tuy Hòa	1.335	1.335	540	100	19%	593	642		
6	Nhà máy nước Sông Cầu 2 - Tuy An	150	80	40	30	75%	20	30	60	
III.2	Dự án khởi công mới	24.768	3.130	510	190	37%	1.240	1.700	4.422	
1	Khu dân cư nông thôn mới xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột	1.987	230	30	20	67%	110	100	300	
2	Khu nhà ở thương mại xã Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột	531	150	-			50	100	100	
3	Khu đô thị hồ Ea Tam	8.472	150	-			50	100	500	

STT	Tên dự án/công trình	Tổng vốn đầu tư dự án	Kịch bản năm 2026 (tỷ đồng)		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		Kịch bản 6 tháng cuối năm 2026 (tỷ đồng)		Dự kiến năm 2027	Ghi chú
			Năm 2026	6 tháng đầu năm	Kết quả	Sơ với kịch bản (%)	Quý III	Quý IV		
4	Khu nhà ở hỗn hợp cao cấp tại khu đất phía Nam đường quy hoạch N3, đường Hùng Vương, thành phố Tuy Hòa	2.000	820	50	30	60%	410	380	400	
5	Khu nhà ở xã hội xã An Phú, thành phố Tuy Hòa	2.584	170	70	10	14%	80	80	700	
6	Khu nhà ở xã hội phía Bắc đường Trần Phú, Phường 9, thành phố Tuy Hòa	548	450	150	30	20%	210	210	98	
7	Khu dân cư đô thị liền kề phía Bắc đường Trần Phú (đợt 1 - giai đoạn 1), thành phố Tuy Hòa	474	400	150	80	53%	160	160	74	
8	Nhà ở xã hội tại khu phố Phước Hậu, phường Bình Kiến	783	60	-	-	-	10	50	350	
9	Khu nhà ở chung cư tại lô đất ký hiệu 4 phía Đông đường Hùng Vương (đoạn từ đường Trần Hào - đường số 14), thành phố Tuy Hòa	2.100	110	-	-	-	10	100	400	
10	Khu nhà ở tại các lô đất ký hiệu 5 phía Đông đường Hùng Vương (đoạn từ đường Trần Hào - đường số 14), thành phố Tuy Hòa	891	110	-	-	-	10	100	200	
11	Khu nhà ở tại lô đất ký hiệu 6 phía Đông đường Hùng Vương (đoạn từ đường Trần Hào - đường số 14), thành phố Tuy Hòa	826	110	-	-	-	10	100	200	
12	Khu nhà ở hỗn hợp cao cấp số 07 phía Tây đường Hùng Vương, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa	2.580	110	-	-	-	10	100	800	
13	Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Tuy Hòa và các khu vực lân cận	992	260	60	20	33%	120	120	300	
IV	Lĩnh vực Nông nghiệp	9.326	2.698	980	825	84%	683	1.190	2.990	
1	Dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô tại xã Ea Sô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk		40	20	10	50%	10	20	120	
2	Trang trại chăn nuôi heo Ea Bar 1		20	20	20	100%	0	0		
3	Trang trại chăn nuôi heo Ea Trol		68	40	35	88%	33	0		
4	Trang trại chăn nuôi heo Quảng Hiệp		100	50	50	100%	25	25		
5	Nhà máy tinh bột sản xuất khẩu		200	200	200	100%	0	0		
6	Dự án Trang trại chăn nuôi heo Bắc Đắk Lắk tại xã Cư Prao		80	60	60	100%	20			
7	Chăn nuôi công nghệ cao (Đông Đắk Lắk)		700	400	400	100%	200	100		
8	Trang trại chăn nuôi heo thịt Ea Sô		80	80	-	0%	20	60		
9	Trang trại chăn nuôi lợn thịt Tasico Ea Sô		50	50	50	100%	0	0		
10	Dự án Nông lâm nghiệp Xuân Thiện Ea Súp	995	200	30			100	100	400	
11	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Xuân Thiện	735	525	-			125	400	1.000	
12	Quản lý bảo vệ rừng và kết hợp đầu tư trang trại chăn nuôi heo tại Thôn 1, xã Ea H'leo của Công ty CP sản xuất Rừng Xanh	3.850	410	10	-	0%	110	300		
13	Dự án nông nghiệp tuần hoàn Trang trại chăn nuôi lợn kết hợp trồng tre tại xã Cư M'lan, huyện Ea Súp của Công ty CP TMDV VICONA	850	10	-				10	400	
14	Dự án nông nghiệp xanh tại xã Ea Bung, huyện Ea Súp của Công ty CP ĐT Hà Nội Green Farm	873	20	-				20	400	
15	Dự án trồng cây nông nghiệp và cây dược liệu tại xã Cư Kbang, huyện Ea Súp của Công ty CP PT Đồng Xanh VN	583	20	-				20	280	

STT	Tên dự án/công trình	Tổng vốn đầu tư dự án	Kịch bản năm 2026 (tỷ đồng)		Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		Kịch bản 6 tháng cuối năm 2026 (tỷ đồng)		Dự kiến năm 2027	Ghi chú
			Năm 2026	6 tháng đầu năm	Kết quả	So với kịch bản (%)	Quý III	Quý IV		
16	Dự án Nông nghiệp sinh thái tại xã Cư M'lan, huyện Ea Súp của Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Aloe Vera	200	70	-			20	50	60	
17	Dự án Trồng cây ăn quả kết hợp cây dược liệu xã Cư M'lan, huyện Ea Súp của Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư phát triển Hoàng Kim	100	50	-			10	40	50	
18	Vùng liên kết sản xuất lúa chất lượng cao, thu mua, chế biến xuất khẩu gạo, xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa	590	40	20	-	0%	10	30	250	
19	Trang trại chăn nuôi heo Farm 9	270	5					5	10	
20	Trang trại nuôi heo tập trung công nghệ cao	160	5					5	10	
21	Trang trại chăn nuôi lợn Tân Phát 1	120	5	0	0		0	5	10	